

Tác động của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) đến xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang châu Âu

PHAN ANH*

EVFTA là một thỏa thuận thương mại tự do giữa Việt Nam và 27 nước thành viên Liên minh châu Âu (EU), mang lại nhiều lợi ích cho Việt Nam với phạm vi cam kết rộng mở và mức độ cam kết cao nhất trong lịch sử, đã được đưa vào thực thi sau gần 10 năm đàm phán. Trên cơ sở ứng dụng mô hình SMART đánh giá tác động của EVFTA đến xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang châu Âu sau khi Hiệp định này có hiệu lực, nghiên cứu nhận thấy, ngành dệt may Việt Nam sẽ được hưởng lợi từ EVFTA; giá trị xuất khẩu dệt may của Việt Nam vào EU sẽ tăng lên 747.171.299 USD, tương đương với 14,72% khi mức thuế về 0%.

SƠ LƯỢC VỀ HIỆP ĐỊNH EVFTA VÀ XUẤT KHẨU DỆT MAY VIỆT NAM

EVFTA là một hiệp định toàn diện đảm bảo tính cân bằng lợi ích cho cả Việt Nam và EU, đồng thời tính đến sự khác biệt về trình độ phát triển giữa hai bên. Hiệp định này được chính thức khởi động vào tháng 6/2012, ký tuyên bố kết thúc đàm phán ngày 01/12/2015 và được đưa vào thi từ ngày 01/8/2020. Mục tiêu chính của Hiệp định là mang lại cơ hội rộng mở cho các hoạt động kinh doanh cho các mặt hàng trao đổi giữa Việt Nam và EU thông qua việc xóa bỏ thuế quan, với 77,3% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sau 5 năm và 22,7% kim ngạch còn lại sẽ được xóa bỏ sau 7 năm.

Trong ngành dệt may, thuế suất cơ sở cho hàng may mặc từ mức 12% sẽ được giảm ngay về 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực, hoặc theo lộ trình B3, B5, B7. Mặc dù sản phẩm chủ lực trong nhóm ngành dệt may của Việt Nam (từ HS 61 đến HS 63) có một số dòng thuế phải cắt giảm theo lộ trình, nhưng đây vẫn là cơ hội cho việc gia tăng xuất khẩu vững chắc trong các năm tiếp theo.

Đối với Việt Nam, xuất khẩu dệt may đóng vai trò rất quan trọng. Năm 2021,

ngành dệt may Việt Nam có giá trị xuất khẩu ròng chiếm khoảng 5,26% GDP, giảm so với tỷ lệ 7,15% năm 2020 do ảnh hưởng từ dịch Covid-19. Giá trị xuất khẩu ròng đạt gần 13 tỷ USD, tương đương 74% giá trị năm 2020. Tổng giá trị xuất khẩu năm 2021 tăng 10,8% so với năm 2020, đạt 39 tỷ USD. Xuất khẩu sang các thị trường EU đạt 3,7 tỷ USD, tăng 23,3% so với năm 2020. Kim ngạch xuất khẩu xơ sợi tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực trong năm 2021. Đặc biệt, Việt Nam đã vượt qua Hàn Quốc để trở thành nước xuất khẩu xơ và sợi lớn thứ 6 trên thế giới với tổng giá trị xuất khẩu sợi đạt 5,6 tỷ USD vào năm 2021, tăng 50,8% so với năm 2020.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Mô hình SMART tập trung vào những thay đổi đối với một thị trường cụ thể khi có thay đổi trong chính sách thương mại như cắt giảm thuế nhập khẩu. Cầu nhập khẩu, cung xuất khẩu của thị trường trong mô hình SMART được áp dụng dựa trên 3 giả thuyết. *Thứ nhất*, giả thiết Armington (Armington assumption) cho rằng, nhập khẩu từ một quốc gia đối với một mặt hàng nào đó không thể thay thế hoàn hảo nhập khẩu từ một nước khác, nói cách khác là không có sự thay thế hoàn hảo giữa hàng nhập khẩu từ các quốc gia khác nhau. *Thứ hai*, giả định khác của mô hình SMART là nhu cầu của người tiêu dùng được quyết định trong quá trình tối ưu 2 giai đoạn: giai đoạn 1 liên quan đến việc phân bổ chỉ tiêu của người tiêu dùng cho giai đoạn 2 liên quan sự đa

* Học viện Ngân hàng

BẢNG 1: TỔNG QUAN SỰ THAY ĐỔI TRONG XUẤT KHẨU HÀNG DỆT MAY CỦA VIỆT NAM VỚI CÁC NƯỚC EVFTA

Đơn vị: Nghìn USD

Nội dung	Giá trị
Giá trị xuất khẩu ban đầu	5.076.051,417
Giá trị xuất khẩu khi thuế về 0%	5.823.222,713
Tổng giá trị xuất khẩu thay đổi	747.171,299
Tạo lập thương mại	313.714,711
Chênh hướng thương mại	433.456,585
Tăng xuất khẩu (%)	14,72
Giá trị tạo lập/Tổng giá trị xuất khẩu thay đổi (%)	41,99
Giá trị chênh hướng/Tổng giá trị xuất khẩu thay đổi (%)	58,01

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên kết quả mô hình SMART từ WITS (2022)

dạng hàng hóa nhập khẩu của quốc gia. Trong giai đoạn đầu tiên, người tiêu dùng quyết định chi tiêu bao nhiêu vào hàng hóa dựa vào độ co giãn của nhu cầu nhập khẩu theo giá (cầu nhập khẩu thay đổi bao nhiêu phần trăm khi giá thay đổi). Ở giai đoạn thứ hai, mức chi tiêu đối với hàng hóa này được phân bổ phụ thuộc vào mức giá tương đối của hàng hóa giữa các quốc gia. Độ co giãn thay thế này được mặc định bằng 1,5. Thứ ba, mô hình SMART cũng giả định rằng, độ co giãn cung xuất khẩu của các quốc gia là hoàn toàn co giãn, bằng 99.

Đã có nhiều nghiên cứu sử dụng mô hình SMART đánh giá tác động ngành của EVFTA, song các nghiên cứu này đều đánh giá trước khi hiệp định có hiệu lực, số liệu còn chưa cập nhật và chưa phân tích đánh giá tác động của EVFTA trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 dẫn đến đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu. Do đó, trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng cả dữ liệu trước và sau khi EVFTA có hiệu lực. Số liệu được thu thập từ các nguồn dữ liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam, Cổng thông tin thương mại Intergrated Trade Intelligence Portal của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Ngân hàng Thế giới (World Bank), Liên hợp quốc (UN). Tác giả sử dụng cách phân loại hàng hóa theo Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (gọi tắt là hệ thống hài hòa hoặc hệ thống HS) của Tổ chức Hải quan Thế giới. Theo phân loại của Tổ chức Hải quan Thế giới, hàng hóa được chia thành 99 chương, tác giả phân tách ngành dệt may thành hai nhóm hàng là Nguyên liệu dệt may (nhóm 10) từ HS 50-HS 56 và Sản phẩm dệt may (nhóm 11) từ HS 57-HS 63.

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA EVFTA ĐẾN XUẤT KHẨU DỆT MAY CỦA VIỆT NAM SANG CHÂU ÂU

Kịch bản đánh giá tác động của EVFTA đến xuất khẩu dệt may của Việt Nam khi mức thuế về 0%, kết quả được tổng hợp sau khi sử dụng mô hình SMART với 27 quốc gia EU tại thời điểm tháng 3/2022. Khi thuế quan mặt hàng dệt may về 0%, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may đạt 5.823.222.713 USD, tăng 14,72%. Điều này cho thấy tác động tích cực của việc tham gia EVFTA đối với mặt hàng dệt may của Việt Nam.

Theo kết quả ở Bảng 1, xuất khẩu dệt may Việt Nam sẽ tạo ra 313.714.711 USD giá trị tạo lập thương mại, chiếm 41,99% tổng tác động, cũng như 433.456.585 USD giá trị chênh hướng thương mại. Sự gia tăng kim ngạch xuất khẩu này có thể lý giải bởi 2 nguyên nhân chính: (1) Hàng dệt may của Việt Nam thường rẻ hơn so với những quốc gia khác; (2) Khi thuế xuất khẩu giảm đi sẽ càng làm giá hàng dệt may giảm và từ đó có tính cạnh tranh cao hơn, điều này dẫn tới có thể thay thế hàng hóa của nước nhập khẩu (tạo lập thương mại) cũng như hàng hóa từ các nước khác (chênh hướng thương mại). Ngoài ra, trong xu hướng dịch chuyển các đơn hàng rời khỏi Trung Quốc, Việt Nam trở thành nước được hưởng lợi. Theo đó, lượng nhập khẩu xơ sợi tăng mạnh, đạt 16 tỷ USD để đáp ứng các đơn hàng thiết bị bảo vệ cá nhân cho EU và Mỹ, vượt qua Trung Quốc kể từ năm 2019. Nhờ khả năng chống dịch Covid-19 tốt hơn các nước xuất khẩu xơ, sợi khác, Việt Nam trở thành điểm sáng giữa các quốc gia đang phát triển khác đang vật lộn vì dịch bệnh, chứng kiến sự giảm mạnh trong nhập khẩu xơ, sợi như: Bangladesh, Indonesia...

Theo kết quả nghiên cứu của tác giả từ mô hình SMART ở Bảng 2, khi xét trên phương diện quốc gia, Việt Nam sẽ được hưởng lợi nhiều nhất từ việc xuất khẩu sang Đức với 35,94%, sang Pháp là 14,48%, Tây Ban Nha là 10,13% và Ba Lan là 10,14%. Tổng tỷ trọng của 4 nước này chiếm 70,69% trong tổng giá trị xuất khẩu. Bungary, Síp, Hungary, Litva, Luxembourg và Manta là các thị trường mà Việt Nam được hưởng lợi ít nhất khi thuế về 0%, điều này phù hợp với thực tế vì đây là các nước có diện tích rất nhỏ, dân số ít, quy mô nền kinh tế nhỏ và nhu cầu nhập khẩu từ Việt Nam thấp, nên giá trị xuất khẩu không lớn.

Kết quả Bảng 3 cho thấy, trong các mặt hàng dệt may, thì 2 nhóm HS 61 (Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, dệt kim hoặc móc) và HS 62 (Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc) chiếm giá trị nhiều nhất trong tổng thay đổi xuất khẩu của Việt Nam. Đây là 2 mặt hàng xuất khẩu chủ lực của dệt may Việt Nam, chiếm 99,19% trong tổng giá trị xuất khẩu. Các mặt hàng khác chiếm tỷ trọng nhỏ hoặc không đáng kể là HS 55 và HS 63.

BẢNG 2: SỰ THAY ĐỔI TRONG XUẤT KHẨU HÀNG DỆT MAY CỦA VIỆT NAM THEO QUỐC GIA

TT	Quốc gia	Tổng thay đổi xuất khẩu (Nghìn USD)	Tỷ trọng trong tổng thay đổi xuất khẩu (%)	Tốc độ phát triển (%)
1	Áo	36.060,189	4,82	16,09
2	Bỉ	5.382,064	0,72	4,77
3	Đức	268.541,1	35,94	15,68
4	Bulgaria	0	0	0
5	Croatia	1.441,466	0,19	9,54
6	Síp	19,421	0,003	2,06
7	Đan Mạch	12.022,48	1,61	16,61
8	Estonia	1.050,007	0,14	13,46
9	Phần Lan	11.770,4	1,58	21,16
10	Pháp	108.189,3	14,48	11,72
11	Hy Lạp	727,445	0,10	8,13
12	Hungary	248,123	0,03	6,65
13	Ái Len	12.551,42	1,68	16,22
14	Italia	46.011,16	6,16	15,81
15	Latvia	38,887	0,005	3,90
16	Litva	197,653	0,03	7,13
17	Manta	0	0	0
18	Hà Lan	71.967,23	9,63	15,52
19	Ba Lan	52.222,95	10,14	16,64
20	Bồ Đào Nha	361,268	0,5	2,03
21	Rumani	484,717	0,07	1,90
22	Slovakia	4.979,939	0,6	16,81
23	Séc	17.609,15	2,36	13,94
24	Slovenia	2.672,124	0,36	17,69
25	Tây Ban Nha	75.742,35	10,13	16,72
26	Thụy Điển	14.670,2	1,96	16,66
27	Luxembourg	2.210,331	0,03	6,60
	Tổng	747.171,299	100	

BẢNG 3: TÁC ĐỘNG CỦA EVFTA ĐẾN XUẤT KHẨU NHÓM NGÀNH NGUYÊN LIỆU DỆT MAY VÀ SẢN PHẨM DỆT MAY CỦA VIỆT NAM SANG EU

Mã HS	Gia tăng xuất khẩu			Tác động tạo lập		Tác động chuyển hướng	
	Giá trị (Nghìn USD)	Tỷ trọng (%)	Tăng trưởng (%)	Giá trị (Nghìn USD)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (Nghìn USD)	Tỷ lệ (%)
HS 55	1.305,814	0,17	4,06	522,783	40,39	783,032	59,61
HS 61	250.974,937	33,59	15,84	100.713,560	40,13	138.467,846	59,87
HS 62	490.122,485	65,60	18,81	195.755,255	40,86	270.242,778	59,14
HS 63	4.768,059	0,64	0,66	1.751,082	36,73	2.874,776	63,27

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên kết quả mô hình SMART từ WITS (2022)

Bảng 4 chỉ ra 5 mặt hàng thuộc nhóm ngành sản phẩm dệt may gia tăng xuất khẩu nhiều nhất từ Việt Nam sang EU. Trong đó, áo khoác có mũ, áo gió, áo jacket chống gió cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, từ sợi nhân tạo có giá trị tăng thêm lớn nhất với 58.631.575 USD, đạt tỷ trọng 7,85%.

Đánh giá top 5 quốc gia chịu ảnh hưởng nhiều nhất bởi EVFTA, kết quả mô hình SMART ở Bảng 5 cho thấy, Trung Quốc là quốc gia bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi Hiệp định này với giá trị bị ảnh hưởng là 174.431.483 USD. Tiếp theo là Bangladesh với 76.050.702 USD và Thổ Nhĩ Kỳ là 39.315.639 USD. Trong danh sách này, cả 5 quốc gia đều là những nước có ngành công nghiệp dệt may phát triển trên thế giới.

KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý

Kết quả mô phỏng của mô hình SMART đã khẳng định, việc xóa bỏ thuế quan của mặt hàng dệt may sẽ dẫn đến sự gia tăng lớn trong xuất khẩu dệt may của Việt Nam đến EU, với giá trị tăng thêm dự tính là 1.747.171.299 USD, tương đương với 14,72% khi mức thuế về 0%. Xét trên phương diện quốc gia, Việt Nam sẽ được hưởng lợi nhiều nhất từ việc xuất khẩu sang Đức với giá trị tăng thêm là 268.541.100 USD. Xét về mặt hàng, mã HS 62 chiếm giá trị nhiều nhất trong tổng thay đổi xuất khẩu của Việt Nam với giá trị là 490.122.485 USD.

Kết quả nghiên cứu này có sự tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Thế Kiên và cộng sự (2019), tuy nhiên các giá trị tăng thêm đã có sự sụt giảm tương đối, nguyên nhân đến từ việc đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu do dịch Covid-19 gây ra. Ngoài ra, Việt Nam và Hàn Quốc đã triển khai điều khoản cộng gộp xuất

BẢNG 4: NĂM MẶT HÀNG NHÓM NGÀNH SẢN PHẨM DỆT MAY GIA TĂNG XUẤT KHẨU NHIỀU NHẤT TỪ VIỆT NAM SANG EU

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Giá trị tăng thêm (Nghìn USD)	Tỷ trọng (%)
620293	Áo khoác có mũ, áo gió, áo jacket chống gió cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, từ sợi nhân tạo	58.631,575	7,85
620193	Áo khoác có mũ, áo gió, áo jacket chống gió cho nam giới hoặc trẻ em trai, từ sợi nhân tạo	55.449,347	7,42
620343	Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc cho nam giới hoặc trẻ em trai từ sợi tổng hợp	48.144,993	6,44
620463	Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc cho phụ nữ hoặc trẻ em gái từ sợi tổng hợp	33.102,968	4,43
610463	Các loại quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc	31.409,933	4,20

BẢNG 5: TOP 5 QUỐC GIA BỊ ẢNH HƯỞNG NHIỀU NHẤT BỞI EVFTA

Đơn vị: Nghìn USD

TT	Quốc gia	Giá trị
1	Trung Quốc	-174.431,483
2	Bangladesh	-76.050,702
3	Thổ Nhĩ Kỳ	-39.315,639
4	Myanmar	-25.402,171
5	Campuchia	-17.567,966

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên kết quả mô hình SMART từ WITS (2022)

xứ nguyên liệu dệt may giữa 2 nước trong EVFTA, dẫn đến doanh nghiệp Việt Nam sử dụng nguyên liệu nhập khẩu không mất thuế. Doanh nghiệp sử dụng sợi trong nước khi xuất khẩu phải nộp 10% thuế VAT và được hoàn lại 10% VAT trong khoảng 6-9 tháng.

Nhằm tối đa hóa lợi ích thu được từ EVFTA, Việt Nam cần chú trọng phát triển ngành công nghiệp dệt, nhuộm và công nghiệp phụ trợ ngành dệt may, qua đó nâng dần lượng vải sản xuất trong nước. Bên cạnh đó, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm tháo gỡ những thủ tục về xuất - nhập khẩu cho doanh nghiệp. Để hưởng miễn thuế của EVFTA, phải đáp ứng quy tắc

xuất xứ yêu cầu 2 công đoạn từ vải trở đi. Vì vậy, Bộ Công Thương cần tận dụng linh hoạt cộng gộp vải của Hàn Quốc và Nhật Bản - 2 quốc gia có cùng hiệp định thương mại tự do với EU và Việt Nam và cũng đang chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch nhập khẩu vải của Việt Nam.

Về phía doanh nghiệp dệt may, cần chủ động tiếp cận với các khách hàng EU thúc đẩy tìm kiếm đơn hàng với lợi thế cắt/giảm thuế quan theo EVFTA. Các doanh nghiệp cần đầu tư bài bản từ nhà xưởng, máy móc công nghệ đến việc đáp ứng các tiêu chuẩn và quy trình quản lý do EU quy định, coi trọng trách nhiệm xã hội, minh bạch thông tin về lao động, môi trường sản xuất, đặc biệt là bảo đảm quy tắc xuất xứ. Ngoài ra, để vượt qua được các rào cản về kỹ thuật, thâm nhập vào thị trường các nước EU, doanh nghiệp cần chú trọng đầu tư nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm hàng hóa nhằm củng cố tính cạnh tranh của sản phẩm tại thị trường EU. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. VCBS (2021). Báo cáo ngành dệt may 2021-2022 - Thích ứng linh hoạt với dịch bệnh hướng đến bền vững chuỗi cung ứng

2. Nguyễn Tiến Kiên, Vũ Ngọc Bảo, Hoàng Khắc Lịch (2019). Ứng dụng mô hình Smart đánh giá tác động của EVFTA đến hoạt động xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế các nhà khoa học trẻ khối kinh tế và kinh doanh 2020, 400-411

3. Trần Thị Khánh Phương (2017). Đánh giá tác động của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU: Nghiên cứu trường hợp ngành dệt may, Luận văn thạc sỹ, Trường Đại học Ngoại thương

4. Hà Trần (2022). Vì sao cho thuê bất động sản KCN là động lực tăng trưởng doanh thu chính của một số công ty dệt may năm 2022?, truy cập từ <https://cafef.vn/vi-sao-cho-thue-bat-dong-san-kcn-la-dong-luc-tang-truong-doanh-thu-chinh-cua-mot-so-cong-ty-det-may-nam-2022-20220227162757819.chn>

5. Ha Cong Anh Bao (2016). The panaroma for Vietnam’s Timber Industry with Vietnam-EU Free Trade Agreement (EVFTA), Opporrtunities and challenges, Working Paper No,05/2016, Swiss State Secretary of Economic Affairs (SECO)

6. Vanzentti, D., Pham Lan Huong (2014). Rules of origin, labour standards and the TPP, Paper presented at “17th Annual Conference on Global Economic Analysis”, June 18-20, 2014, Dakar